

NGHIÊN CỨU PHÊ PHÁN VỀ NHẤT THIẾT HỮU LUẬN TRONG BỘ “LUẬN SỰ”

– THE CRITICAL STUDY ON

SABBAMATTHĪTIKATHĀ IN KATHĀVATTHU –

Tác giả: Nghiên cứu sinh PHRAMAHA ANON PADAÑO (ĀNANDO/ THÍCH A-NAN)

Thầy giáo chỉ đạo: bác sĩ Lữ Khải Văn.

Chương thứ tư.

“KATHĀVATTHU” PHÊ PHÁN NHẤT THIẾT HỮU LUẬN THỜI PHẬT GIÁO BỘ PHÁI [1]

III Đối chiếu thời gian (Kālasaṃsandana)

Đối chiếu thời gian (Kālasaṃsandana), “Kāla” [thời gian] + “Saṃsandana” (so sánh, đối chiếu). Nếu như nói luận thứ nhất “Ứng Lí Luận” là qua loa thì đại thể mà nói là phê phán tư tưởng *Nhất thiết hữu* do Hữu bộ chủ trương, thế thì bắt đầu từ luận thứ hai “Đối chiếu thời gian”, có thể nói là phê phán nội hàm cụ thể của *Nhất thiết hữu*. Trong “Đối chiếu thời gian”, tranh luận này trở xuống người viết sẽ lấy nội dung chủ yếu chia làm ba: (1.) Tam thời hữu; (2.) Tam thời ngũ uẩn hữu; (3.) Bất xả khí luận.

1. Đối chiếu thời gian (Kālasaṃsandana) [1]

I. (Tự): Quá khứ là có ư? (Tha): Đúng. (Tự): Quá khứ là cái chẳng phải diệt, tàn lụi, biến dịch, mất, đã qua ư? (Tha): Đúng. (Tự): Nếu “quá khứ là cái chẳng phải diệt, tàn lụi, biến dịch, mất, đã trôi qua”, thật thừa ngài! Không nên nói: “Quá khứ có”. II. (Tự): Vị lai là có ư? (Tha): Đúng.	(C.S.) Atītaṃ atthīti ? Āmantā. Nanu atītaṃ niruddhaṃ vigataṃ vipariṇataṃ atthaṅgataṃ abbatthaṅgataṃ? Āmantā. Hañci atītaṃ niruddhaṃ vigataṃ vipariṇataṃ atthaṅgataṃ abbatthaṅgataṃ, no ca vata re vattabbe— “atītaṃ atthī”ti. Anāgataṃ atthīti? Āmantā. Nanu anāgataṃ ajātaṃ abhūtaṃ asaṅjātaṃ anibbattaṃ anabhinibbattaṃ apātubhūtaṃ? Āmantā. Hañci anāgataṃ ajātaṃ abhūtaṃ asaṅjātaṃ anibbattaṃ anabhinibbattaṃ apātubhūtaṃ, no ca vata re vattabbe— “anāgataṃ atthī”ti.
---	---

(Tự): Vị lai là cái chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện ư? (Tha): Đúng. (Tự): Nếu “vị lai là cái chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện”, thật thừa ngài! Không nên nói “Vị lai có”. III. (Tự): Hiện tại là có, hiện tại không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua ư? (Tha): Đúng. (Tự): Quá khứ là có, quá khứ chẳng diệt, không tàn lụi, không biến dịch, không mất, không trôi qua ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy... (cho đến)... IV. (Tự): Hiện tại là có, hiện tại là cái sinh, còn, sinh ngay, hiện, hiện khởi, hiển hiện à? (Tha): Đúng. (Tự): Vị lai là có, vị lai chẳng phải cái sinh, còn, sinh ngay, hiện, hiện khởi, hiển hiện ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy... (cho đến)... V. (Tự): Quá khứ là có, quá khứ đã diệt, tàn lụi, biến đổi, mất, đã qua ư? (Tha): Đúng. (Tự): Hiện tại là có, hiện tại đã diệt, tàn lụi, biến đổi, mất, đã qua à? (Tha): Thật không nên nói như vậy ...	Paccuppannam atthi paccuppannam aniruddham avigataṃ avipariṇataṃ na atthaṅgataṃ na abbatthaṅgataṃ? Āmantā. Atītaṃ atthi atītaṃ aniruddham avigataṃ avipariṇataṃ na atthaṅgataṃ na abbatthavagataṃ? Na hevaṃ vattabbe ...pe... paccuppannam atthi paccuppannam jātaṃ bhūtaṃ sañjātaṃ nibbattaṃ abhinibbattaṃ pātubhūtaṃ? Āmantā. Anāgataṃ atthi anāgataṃ jātaṃ bhūtaṃ sañjātaṃ nibbattaṃ abhinibbattaṃ pātubhūtaṃ? Na hevaṃ vattabbe ...pe Atītaṃ atthi atītaṃ niruddham vigataṃ vipariṇataṃ atthaṅgataṃ abbatthaṅgataṃ? Āmantā. Paccuppannam atthi paccuppannam niruddham vigataṃ vipariṇataṃ atthaṅgataṃ abbatthaṅgataṃ? Na hevaṃ vattabbe ...pe ... anāgataṃ atthi anāgataṃ ajātaṃ abhūtaṃ asañjātaṃ anibbattaṃ anabhinibbattaṃ apātubhūtaṃ? Āmantā. Paccuppannam atthi paccuppannam ajātaṃ abhūtaṃ asañjātaṃ anibbattaṃ anabhinibbattaṃ apātubhūtaṃ? Na hevaṃ vattabbe.
--	---

(cho đến)... VI. (Tự): Vị lai có, vị lai là cái chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện ư? (Tha): Đúng. (Tự): Hiện tại là có, hiện tại là cái chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện à? (Tha): Thật không nên nói như vậy. ¹	
--	--

Nhằm có thể lí giải dễ dàng luận điểm của Thượng Toạ bộ tiến hành phản bác Hữu bộ thế nào, trước hết “Kathāvatthu” (Luận Sự) kể trên cho định nghĩa về ba thời như sau:

(1) Phê phán “Tam thời hữu”.

(A.) Tam thời		(B.) Trạng huống về thời gian
1.) Quá khứ (Atīta)	→	Diệt, tàn lụi, biến dịch, mất, đã qua.
2.) Vị lai (Anāgata)	→	Chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện.
3.) Hiện tại (Paccuppanna)	→	Là có, không diệt, không tàn lụi, không biến dịch, không mất, không trôi qua.

Nhằm để biểu minh mối quan hệ về “Tam thời hữu” tự mâu thuẫn nhau, bên (Tự) chia ra trạng huống của tam thời và thời gian, hoán đổi vị trí khác nhau, đề xuất ba đoạn thời gian và trạng huống của nó không được đánh đồng, dựa vào đó phê phán quan điểm của Hữu bộ chủ trương như vậy là có vấn đề.

Luận thứ I. Phê phán Quá khứ hữu.

I. Quá khứ là có sao?

(Tha): Phải!

II. Quá khứ chẳng phải diệt, tàn lụi, biến đổi, mất, đã qua ư?

¹ (P.T.S.) Kvu. pp. 116~117; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 130 – 131 (bản chữ Hán).

(Tha): Phải!

∴ Nếu như quá khứ là diệt, tàn lụi, biến đổi, đã qua, Quá khứ hữu là điều không thể thành lập.

Bởi vì: Quá khứ “có” không bằng với trạng huống quá khứ: “diệt, tàn lụi, biến đổi, mất, đã qua”.

Luận thứ II. Phê phán Vị lai hữu.

I. Vị lai là có sao?

(Tha): Phải.

II. Vị lai là chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện không phải sao?

(Tha): Phải!

∴ Nếu như vị lai là chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện, Vị lai hữu là không thể thành lập.

Bởi vì: Vị lai “có” không bằng với trạng huống vị lai: “chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện”.

Luận thứ III. Phê phán Quá khứ hữu không bằng với Hiện tại hữu.

I. Hiện tại hữu: là không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua ư?

(Tha): Phải!

II. Quá khứ hữu: là không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua ư?

(Tha): Không!

∴ “Quá khứ hữu” không bằng với “trạng huống Hiện tại hữu”.

Luận thứ IV. Phê phán Vị lai hữu không bằng với Hiện tại hữu.

I. Hiện tại hữu: là không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua ư?

(Tha): Phải!

II. Vị lai hữu: là không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua ư?

(Tha): Không!

∴ “Vị lai hữu” không bằng với “trạng huống Hiện tại hữu”.

Luận thứ V. Phê phán Hiện tại hữu không bằng với Quá khứ hữu.

I. Quá khứ hữu: là diệt, tàn lụi, biến đổi, mất, đã qua ư?

(Tha): Phải!

II. Hiện tại hữu: là diệt, tàn lụi, biến đổi, mất, đã qua sao?

(Tha): Không!

∴ “Hiện tại hữu” không bằng với “trạng huống Quá khứ hữu”.

Luận thứ VI. Phê phán Hiện tại hữu không bằng với Vị lai hữu.

I. Vị lai hữu: là chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện sao?

(Tha): Phải!

II. Hiện tại hữu: là chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện sao?

(Tha): Không!

∴ “Hiện tại hữu” không bằng với “trạng huống Vị lai hữu”.

Đoạn tranh luận “Tam thời hữu” kể ở trên nó hữu (tồn tại) là hữu thể nào? Người viết đọc hiểu rằng từ phân tích luận kể trên có thể làm tổng kết quy nạp là: giả thiết $A =$ quá khứ hữu, $B =$ vị lai hữu, $C =$ hiện tại hữu, ba đoạn thời gian đều có bài xích lẫn nhau là $A \sim (B \ C)$, $B \sim (A \ C)$, $C \sim (A \ B)$. Ngoài ra, nếu như “tam thời” (A) bằng với “hữu” (B) ($A \supset B$), thì “hữu” kia bằng với “tam thời” ($B \supset A$), nhưng ba đoạn thời gian đều bài xích lẫn nhau, cho nên “hữu” không bằng với “tam thời” ($B \sim A$). Vì thế “tam thời hữu” không thể thành lập.

2. Đối chiếu thời gian (Kālasamsandanā) [2]

I. (Tự): Sắc của quá khứ là có ư? (Tha): Đúng. (Tự): Sắc của quá khứ là chẳng phải diệt, tàn lụi, biến dịch, mất, đã qua ư? (Tha): Đúng. (Tự): Nếu “sắc quá khứ là diệt... (cho đến)... đã qua”, thật thừa ngài, không nên nói “Sắc của quá khứ là có”. II. (Tự): Sắc của vị lai là có ư? (Tha): Đúng. (Tự): Sắc của vị lai là cái chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện? (Tha): Đúng. (Tự): Nếu “sắc của vị lai là cái chưa sinh... (cho đến)... chưa hiển hiện”, thật thừa ngài, không nên nói “Sắc của vị lai là có”. III. (Tự): Sắc của hiện hữu là có, sắc của hiện tại không diệt, không tàn lụi, không biến dịch, không mất, không trôi qua ư? (Tha): Đúng. (Tự): Sắc của quá khứ là có, sắc của quá khứ không diệt... (cho đến) trôi qua ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy. IV. (Tự): Sắc của hiện tại là có, sắc của hiện tại là cái sinh, còn, chính tại, hiện, hiện khởi, hiển hiện ư? (Tha): Đúng.	(C.S.) Atītaṃ rūpaṃ atthīti? Āmantā. Nanu atītaṃ rūpaṃ niruddhaṃ vigataṃ vipariṇataṃ atthaṅgataṃ abbatthaṅgataṃ? Āmantā. Hañci atītaṃ rūpaṃ niruddhaṃ ...pe ... abbatthaṅgataṃ, no ca vata re vattabbe- “atītaṃ rūpaṃ atthi”ti. Anāgataṃ rūpaṃ atthīti? Āmantā. Nanu anāgataṃ rūpaṃ ajātaṃ abhūtaṃ asaṅjātaṃ anibbattaṃ anabhinibbattaṃ apātubhūtaṃ? Āmantā. Hañci anāgataṃ rūpaṃ ajātaṃ ...pe... apātubhūtaṃ, no ca vata re vattabbe- “anāgataṃ rūpaṃ atthi”ti. Paccuppannaṃ rūpaṃ atthi paccuppannaṃ rūpaṃ aniruddhaṃ avigataṃ avipariṇataṃ na atthaṅgataṃ na abbatthaṅgataṃ? Āmantā. Atītaṃ rūpaṃ atthi atītaṃ rūpaṃ aniruddhaṃ avigataṃ avipariṇataṃ na atthaṅgataṃ na abbatthaṅgataṃ? Na hevaṃ vattabbe. Paccuppannaṃ rūpaṃ atthi paccuppannaṃ rūpaṃ jātaṃ bhūtaṃ saṅjātaṃ nibbattaṃ abhinibbattaṃ pātubhūtaṃ? Āmantā. Anāgataṃ rūpaṃ atthi anāgataṃ rūpaṃ jātaṃ bhūtaṃ saṅjātaṃ nibbattaṃ abhinibbattaṃ pātubhūtaṃ? Na hevaṃ vattabbe. Atītaṃ rūpaṃ atthi atītaṃ rūpaṃ niruddhaṃ vigataṃ vipariṇataṃ atthaṅgataṃ abbatthaṅgataṃ? Āmantā. Paccuppannaṃ rūpaṃ atthi paccuppannaṃ rūpaṃ niruddhaṃ vigataṃ vipariṇataṃ atthaṅgataṃ
--	---

(Tự): Sắc của vị lai là có, sắc của vị lai sinh... (cho đến)... hiển hiện ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy... (cho đến)... V. (Tự): Sắc của quá khứ là có, sắc của quá khứ diệt, tàn lụi, biến đổi, mất, đã qua ư? (Tha): Đúng. (Tự): Sắc của hiện tại là có, sắc của hiện tại diệt, tàn lụi, biến đổi, mất, đã qua ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy... (cho đến)... VI. (Tự): Sắc của vị lai là có, sắc của vị lai chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện ư? (Tha): Đúng. (Tự): Sắc của hiện tại là có, sắc của hiện hữu là chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy ... (cho đến)...²	abbhatthaṅgati? Na hevaṃ vattabbe. Anāgataṃ rūpaṃ atthi anāgataṃ rūpaṃ ajātaṃ abhūtaṃ asaṅgataṃ anibbattaṃ anabhinibbattaṃ apātubhūtaṃ? Āmanta. Paccuppannaṃ rūpaṃ atthi paccuppannaṃ rūpaṃ ajātaṃ abhūtaṃ asaṅgataṃ anibbattaṃ anabhinibbattaṃ apātubhūtaṃ? Na hevaṃ vattabbe.
---	---

Trong “Đối chiếu thời gian [2]” Thượng Toạ bộ đã phê phán điều này, do tiết I trước y cứ ngũ uẩn của quá khứ, vị lai, hiện tại trong Kinh (xem tiết I: 1, 1.1), lấy thời gian và ngũ uẩn liên hệ nhau lại, và chủ trương *Nhất thiết hữu*. Liên quan đến “Tam thời ngũ uẩn”, “Kathāvatthu” (Luận Sự) lần lượt xuôi theo sắc, thụ, tưởng, hành, thức của quá khứ, vị lai, hiện tại để tiến hành phê phán, bởi vì nội dung trùng phức, ở đây người viết chỉ thu hạn lại trong cái thứ nhất là sắc của quá khứ, vị lai, hiện tại để thuyết minh, (Tha) bị (Tự) phê phán, còn lại về nội dung tranh luận thụ, tưởng, hành, thức cũng tương đồng với sắc, không nêu ở sau chỉ cho thừa.

² (P.T.S.) Kvu. pp. 117~118; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 131 – 132 (bản chữ Hán).

(2) Phê phán “Tam thời ngũ uẩn hữu”

Định nghĩa “tam thời ngũ uẩn”

(A.) Tam thời ngũ uẩn		(B.) Trạng huống của ngũ uẩn
1.) Quá khứ ngũ uẩn	→	Diệt, tàn lụi, biến đổi, mất, đã qua.
2.) Vị lai ngũ uẩn	→	Chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện.
3.) Hiện tại ngũ uẩn	→	Là có, không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua.

Luận thứ I. Phê phán sắc hữu của quá khứ.

I. Sắc của quá khứ là có sao?

(Tha): Phải!

II. Sắc của quá khứ không phải diệt, tàn lụi, biến dịch, mất, đã qua ư?

(Tha): Phải!

∴ Nếu như sắc của quá khứ là diệt, tàn lụi, biến dịch, đã qua, Quá khứ sắc hữu là điều không thể thành lập.

Bởi vì sắc quá khứ “có” không bằng với sắc “diệt, tàn lụi, biến dịch, mất, đã qua” của quá khứ.

Luận thứ II. Phê phán sắc hữu của vị lai.

I. Sắc vị lai là có sao?

(Tha): Phải!

II. Sắc vị lai là chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện không phải sao?

(Tha): Phải

∴ Nếu như sắc vị lai là chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện, Vị lai sắc hữu không thể thành lập. Bởi vì: sắc vị lai “có” không bằng với “chưa sinh, chưa còn, chưa sinh ngay, chưa hiện, chưa hiện khởi, chưa hiển hiện” của vị lai.

Luận thứ III. Phê phán sắc hữu của quá khứ không bằng với sắc hữu hiện tại.

- I. Hiện tại sắc hữu: là không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua ư?

(Tha): Phải!

- II. Quá khứ sắc hữu: là không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua ư?

(Tha): Không!

∴ “Quá khứ sắc hữu” không bằng với “trạng huống Hiện tại sắc hữu”.

Luận thứ IV. Phê phán sắc hữu của vị lai không bằng với sắc hữu hiện tại.

- I. Hiện tại sắc hữu: là không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua ư?

(Tha): Phải!

- II. Vị lai sắc hữu: là không diệt, không tàn lụi, không biến đổi, không mất, không trôi qua ư?

(Tha): Không!

∴ “Vị lai sắc hữu” không bằng với “trạng huống Hiện tại sắc hữu”.

Luận thứ V. Phê phán sắc hữu của hiện tại không bằng với sắc hữu quá khứ.

- I. Quá khứ sắc hữu: là diệt, tàn lụi, biến dịch, mất, đã qua ư?

(Tha): Phải!

- II. Hiện tại sắc hữu: là diệt, tàn lụi, biến dịch, mất, đã qua ư?

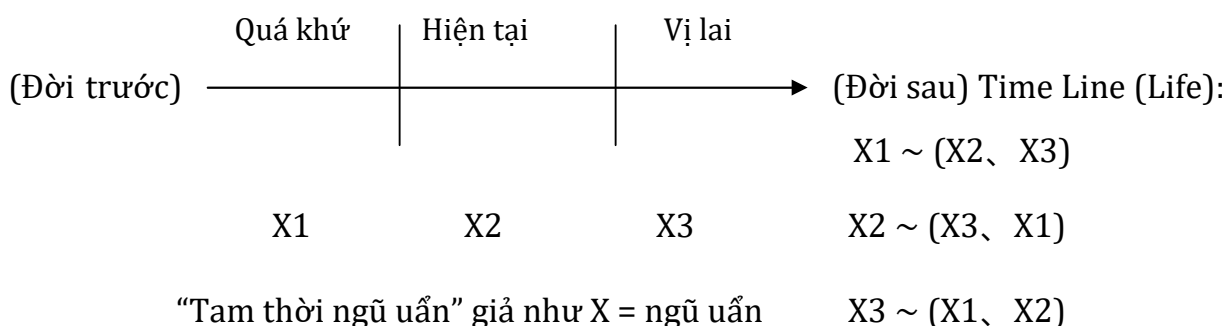
(Tha): Không!

∴ “Hiện tại sắc hữu” không bằng với “trạng huống Quá khứ sắc hữu”.

Luận thứ VI. Phê phán sắc hữu của hiện tại không bằng với sắc hữu vị lai.

(Tha): Phải!

(Tha): Không!



³ (P.T.S.) Kvu. pp. 119; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 132 – 133 (bản chữ Hán).

đã nói trên; (2.) Sử dụng Kinh để phê phán, bộ phận này ở phần *Kinh Chứng* (Suttasādhanaṃ) sau cùng sẽ thảo luận.

3. Đối chiếu thời gian (*Kālasamsandanā*) [3]

I. (Tự): Nói hiện tại là nói sắc, nói sắc là nói hiện tại. Bao gồm sắc hiện tại, kia tức là một nghĩa, bình đẳng, đồng loại, chung dòng ư? (Tha): Đúng. (Tự): Nếu sắc hiện tại diệt mà tính hiện tại bỏ ư? (Tha): Đúng. (Tự): Tính của sắc cũng bỏ ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy. II. (Tự): Nói hiện tại là nói sắc, nói sắc là nói hiện tại. Bao gồm sắc hiện tại, kia tức là một nghĩa, bình đẳng, đồng loại, chung dòng ư? (Tha): Đúng. (Tự): Nếu sắc hiện tại diệt mà tính của sắc chẳng bỏ ư? (Tha): Đúng. (Tự): Tính hiện tại không bỏ ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy... (cho đến)... III. (Tha): Nói là áo nói là trắng. Bao gồm áo trắng, kia tức là một nghĩa, bình đẳng, đồng loại, chung dòng ư? (Tự): Đúng. (Tha): Nếu áo trắng bị vấy nhuộm thì	(C.S.) “Paccuppannanti vā rūpan”ti vā, “rūpanti vā paccuppannan”ti vā paccuppannaṃ rūpaṃ appiyaṃ karitvā esese ekaṭṭhe same samabhāge tājātetī? Āmantā. Paccuppannaṃ rūpaṃ nirujjhamānaṃ paccuppannabhāvaṃ jahatīti? Āmantā. Rūpabhāvaṃ jahatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe “Paccuppannanti vā rūpan”ti vā, “rūpanti vā paccuppannan”ti vā paccuppannaṃ rūpaṃ appiyaṃ karitvā esese ekaṭṭhe same samabhāge tājātetī? Āmantā. Paccuppannaṃ rūpaṃ nirujjhamānaṃ rūpabhāvaṃ na jahatīti? Āmantā. Paccuppannabhāvaṃ na jahatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe ... “Odātanti vā vatthan”ti vā, “vatthanti vā odātan”ti vā odātaṃ vatthaṃ appiyaṃ karitvā esese ekaṭṭhe same samabhāge tājātetī? Āmantā. Odātaṃ vatthā rajjamānaṃ odātabhāvaṃ jahatīti? Āmantā. Vatthabhāvaṃ jahatīti? Na hevaṃ vattabbe. “Odātanti vā vatthan”ti vā, “vatthanti vā odātan”ti vā odātaṃ vatthaṃ appiyaṃ karitvā esese ekaṭṭhe same samabhāge tājātetī? Āmantā. Odātaṃ vatthaṃ rajjamānaṃ vatthabhāvaṃ na jahatīti? Āmantā. Odātabhāvaṃ na jahatīti? Na hevaṃ vattabbePe ...
--	---

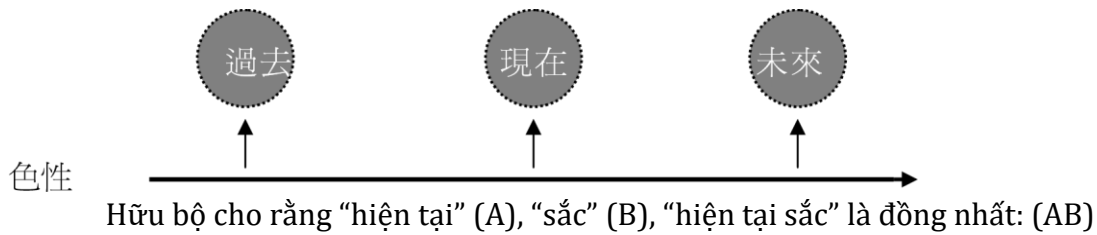
tính trắng bỏ mất ư? (Tự): Đúng. (Tha): Tính chất chiếc áo bỏ mất ư? (Tự): Thật không nên nói như vậy... (cho đến)... IV. (Tha): Nói là áo nói là trắng. Bao gồm áo trắng, kia tức là một nghĩa, bình đẳng, đồng loại, chung dòng ư? (Tự): Đúng. (Tha): Nếu áo trắng bị vấy nhuộm thì tính chất chiếc áo không bỏ mất ư? (Tự): Đúng. (Tha): Tính trắng không bỏ ư? (Tự): Thật không nên nói như vậy... (cho đến)...⁴	
---	--

(3) Phê phán “Bất xả khí luận”

“Bất xả khí luận” [Luận không bỏ mất], (Tha) cho rằng “hiện tại” và “sắc” là đồng nhất, đồng gọi, gọi là “hiện tại sắc”, không sai khác, cho rằng mặc dù thời gian là không cùng vị trí nhưng lại không biểu thị nó không tồn tại, mà “sắc tính” (Rūpabhāvaṃ) là bất biến, không từ bỏ tự tính của nó, là chân thật tồn hữu. Sách chú giải thuyết minh “hiện tại sắc” là: *chế định hiện tại sắc không chia rời, ý nghĩa là không phải chia là bỏ mất “sắc” quá khứ và “sắc” vị lai, chỉ định là đi theo sắc hiện tại thôi*,⁵ là trước hết không cần chia quá khứ hoặc vị lai, hoặc trước hết không bàn “quá khứ sắc” hoặc giả “vị lai sắc”, chỉ định tại “hiện tại sắc” [phía sau có bàn]. (Tự) dùng hai loại phương thức: xả bỏ, không xả bỏ để suy luận [thuận, phản], tiến hành phê phán, theo luận điểm này, chủ trương của Hữu bộ có thể trình bày:

⁴ (P.T.S.) Kvu. pp. 120; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 133 – 134 (bản chữ Hán).

⁵ (P.T.S.) KvuA. p.45: Paccuppannam rūpaṃ appiyaṃ karitvā ti atītānāgataṃ pahāya paccuppannarūpaṃ eva appiyaṃ avibhajitabbaṃ karitvā.



Luận I. Thuận luận

- I. Hiện tại tức là sắc ($A \supset B$), sắc tức là hiện tại ($B \supset A$), hai cái là đồng nhất à?
(Tha): Phải!
 - II. Ngay khi “hiện tại sắc” diệt, nó (hiện tại sắc) xả bỏ là hiện tại phải không? (AB) $\sim A$
(Tha): Phải!
 - III. Nó (hiện tại sắc) xả bỏ sắc tính sao? (AB) $\sim B$
(Tha): Không!
(Hữu bộ cho rằng thời gian sẽ xả bỏ nhưng sắc không bỏ tính chất của sắc).
- ∴ Cho nên Hữu bộ nhận rằng “hiện tại sắc” là đồng nhất, đồng loại là có tự mâu thuẫn nhau như thế.

Luận II. Phản luận

- I. Hiện tại tức là sắc ($A \supset B$), sắc tức là hiện tại ($B \supset A$), hai cái đồng nhất phải không?
(Tha): Phải!
 - II. Ngay khi “hiện tại sắc” diệt, nó (hiện tại sắc) chẳng phải xả bỏ sắc tính phải không? (AB) $\supset B$
(Tha): Phải!
 - III. Nó không phải xả bỏ hiện tại ư? (AB) $\supset A$
(Tha): Không!
(Hữu bộ cho rằng sắc không bỏ tự tính, nhưng thời gian sẽ bỏ)
- ∴ Cho nên nhận rằng “hiện tại sắc” là đồng nhất, đồng loại lại có tự mâu thuẫn nhau như thế.

Nếu cho rằng cả hai là đồng nhất, thế thì hai cái đều phải cùng bỏ hoặc không bỏ, nhưng Hữu bộ chỉ có thể tiếp nhận thời gian bỏ nhưng sắc tính không bỏ, vì thế hai cái tự mâu thuẫn nhau. Cho nên “hiện tại sắc” không thể thành lập. Nhắm vào luận điểm này, trong *Ngũ Luận căn bản* số ngài Ānanda có cách giải thích bất đồng với chú thích của ngài Buddhaghosa đã nêu ở trước khi cho rằng: “*Nói là Hiện tại sắc này phải tạo làm hai cái là: Hiện tại thanh âm và Sắc thanh âm*”⁶, theo cách đọc của người viết thì khá đồng tình với giải thích của ngài Ānanda, nếu hiện tại sắc không cần phải đem nó chia tách như Hữu bộ chủ trương là chúng đồng nhất loại, thế thì “hiện tại thanh âm” (Paccuppannasadda) phải hay không cũng giống vậy thì điều này sẽ có vấn đề. Phải nên đem nó chia làm: “thanh âm của hiện tại” và “thanh âm của sắc” nếu như không đem chia tách nó, rốt cuộc hiện tại (thời gian) có tạo ra thanh âm không? Hay là sắc tạo ra thanh âm? Vì vậy không thể đem nó trộn làm một loại. Chú thích của Ānanda có thể tiến một bước khảo sát “hiện tại sắc” do tác dụng suy xét về sắc. Đối với biện luận phía trên, Hữu bộ nêu ví dụ: “áo trắng” (Odātaṃ vatthaṃ) nó cũng là đồng nhất loại, không sai khác, tạo thái độ khẳng định bản thân, cho rằng áo trắng mặc dù vấy nhuộm (Rajjamānaṃ) nhưng nó sẽ không xả bỏ tự tính (Odātabhāvaṃ) và sẽ không xả bỏ tính chất chiếc áo (Vatthabhāvaṃ).

Luận III.

I. Trắng tức là áo ($A \supset B$), áo tức là trắng ($B \supset A$), hai cái đồng nhất phải không?

(Tự): Phải!

II. Khi “áo trắng” nhiễm, nó xả bỏ tính trắng phải không? $(AB) \sim A$

(Tự): Phải!

III. Nó xả bỏ tính chất chiếc áo hả? $(AB) \sim B$

(Tự): Không!

Luận IV.

I. Trắng tức là áo ($A \supset B$), áo tức là trắng ($B \supset A$), hai cái đồng nhất phải không?

(Tự): Phải!

II. Khi “áo trắng” nhiễm, nó chẳng phải xả bỏ tính chất chiếc áo à? $(AB) \supset B$

(Tự): Phải!

⁶ (MCU.) KvuṬ. p. 74: Atītānāgataṃ pahāya paccuppannarūpam eva appiyaṃ avibhajitabbaṃ karitvāti paccuppannasaddena rūpasaddena cāti ubhohipi paccuppannarūpameva vattabbaṃ katvāti vuttrā hoti.

Nó chẳng phải xả bỏ tính trắng à? (AB) ⊃ A

(Tự): Không!

Ngài Buddhaghosa trong cách giải thích luận III. IV cho rằng: “Lời định rằng áo trắng không thể chia”, lời này ngay khi (Tha) ngôn định cho “áo trắng”, vì không ngôn định rằng tất cả chiếc áo đều là màu trắng, chỉ trở cho áo trắng này, vì vậy (Tự) mới tiếp nhận, vì là đồng nghĩa. “Xả bỏ tính trắng ư” (Tự) tiếp thụ chỉ định chiếc áo chẳng phải nhan sắc. “Xả bỏ tính chất chiếc áo ư” (Tự) phủ định vì chẳng phải không ngôn định. Phản luận cũng là như thế.⁷ Ānanda giải thích “chẳng phải không ngôn định” (Paññattiya avigatattā) cho rằng: “áo ngôn định” (Vatthapaññatti) không giống “sắc ngôn định” (Rūpapaññatti), áo ngôn định là “có thể định” (Vijjamānapaññatti) vì chỉ định cho tính chất, nhưng định cho sắc bao hàm từ đầu tới đuôi “Pubbāpariyavasena” là “không thể định” (Avijjamānapaññatti), cho nên tính chất chiếc áo không phải tính chất màu trắng là đúng khớp, còn tính của sắc không phải tính hiện tại là không đúng khớp.⁸ Tổng kết cách giải thích của Ānanda: A. Tính trắng thuộc về tính áo → điều này có thể xác định, nhưng B. Tính hiện tại thuộc về tính sắc → điều này không thể xác định. Ngoài ra, biện luận liên quan đến áo trắng có điểm đáng chú ý chính là mặc dù hai bản sách chú giải không có nêu ra, vì sao phải cố ý lấy áo trắng làm ví dụ, người viết cho rằng phải chẳng trong trường biện luận đã có chuẩn bị sẵn tấm áo trắng trước tiên dành cho những kẻ sắp bị trục xuất hoàn tục, như ở trong tình huống đã thảo luận từ Chương thứ hai rằng 60,000 ngoại đạo bị bắt hoàn tục (xem: cước chú 62), điểm này đáng nên suy ngẫm.

4. Đối chiếu thời gian (Kālasamsandanā) [4]

I. (Tự): Sắc là sắc tính không bỏ ư?	(C.S.) Rūpaṃ rūpabhāvaṃ na jahatīti?
(Tha): Đúng.	Āmantā. Rūpaṃ niccaṃ dhuvaṃ sassataṃ avipariṇāmadhammanti Na hevaṃ vattabbe.
(Tự): Sắc tức là thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch ư?	Nanu rūpaṃ rūpabhāvaṃ na jahatīti
(Tha): Thật không nên nói như vậy...	rūpaṃ aniccaṃ adhuvaṃ asassataṃ

⁷ (P.T.S.) KvuA. p. 45: **Odātaṃ vatthaṃ appiyaṃ karitvā** ti ettha kiñcāpi na sabbam vatthaṃ odātaṃ, iminā pana vatthan ti avatvā odātaṃ vatthaṃ appiyaṃ karitva ti vutte sakavādinā ekatthataṃ anuññātā. **Odātabhāvaṃ jahatīti** pañhe vaṇṇavigamaṃ sandhāya paṭiññā sakavādisa. **Vatthabhāvaṃ jahatīti** ettha pana paññattiya avigatattā paṭikkhepo tasse’va . Paṭilome pi es’eva nayo.

⁸ (MCU.) KvuT. p. 74: Paññattiya avigatattāti etena idaṃ viññāyati “na rūpapaññatti viya vatthapaññatti sabhāvaparicchinne pavatvā vijjamānapaññatti, atha kho pubbāpariyavasena pavattamānaṃ rūpasmūhaṃ upādāya pavattā avijjamānapaññatti, tasmā vatthabhāvassa odātabhāvavigame vigamāvattabbatā yuttā, na pana rūpabhāvassa paccuppannabhāvavigameti.

(cho đến)... II. (Tự): Cái sắc tức chẳng phải vô thường, chẳng phải kiên cố, chẳng phải hằng thường, pháp biến dịch ư? (Tha): Đúng. (Tự): Nếu “sắc tức là vô thường... (cho đến)... pháp biến dịch”, thật thừa ngài, không nên nói: “Sắc là sắc tính không bỏ”. III. (Tự): Niết-bàn là Niết-bàn tính không bỏ, Niết-bàn là thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch ư? (Tha): Đúng. (Tự): Sắc là tính chất sắc không bỏ, sắc là thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy... (cho đến)... IV. (Tự): Sắc là tính chất sắc không bỏ, sắc là vô thường, phi kiên cố, phi hằng thường, pháp biến dịch ư? (Tha): Đúng. (Tự): Niết-bàn là tính chất Niết-bàn không bỏ, Niết-bàn là vô thường, phi kiên cố, phi hằng thường, pháp biến dịch ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy... (cho đến)...⁹	vipariṇāmadhammanti? Āmantā. Hañci rūpaṃ aniccaṃ adhuvaṃ asassataṃ vipariṇāmadhammaṃ, no ca vata re vattabbe– “rūpaṃ rūpabhāvaṃ na jahatī”ti. Nibbānaṃ nibbānabhāvaṃ na jahatīti nibbānaṃ niccaṃ dhuvaṃ sassataṃ avipariṇāmadhammanti? Āmantā. Rūpaṃ rūpabhāvaṃ na jahatīti, rūpaṃ niccaṃ dhuvaṃ sassataṃ avipariṇāmadhammanti? Na hevaṃ vattabbe ...pe... rūpaṃ rūpabhāvaṃ na jahati rūpaṃ aniccaṃ adhuvaṃ asassataṃ vipariṇāmadhammanti? Āmantā. Nibbānaṃ nibbānabhāvaṃ na jahati nibbānaṃ aniccaṃ adhuvaṃ asassataṃ vipariṇāmadhammanti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...
---	---

⁹ (P.T.S.) Kvu. pp. 120 – 121; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 133 – 134 (bản chữ Hán).

Luận I.

I. Sắc không xả bỏ sắc tính hả?

(Tha): Phải!

II. Sắc (luận sắc tính) tức thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch hả?

(Tha): Không!

∴ “Sắc” và “tính thường trụ, kiên cố...” có tự mâu thuẫn nhau, vì thế sắc không xả bỏ sắc tính không thể thành lập.

Luận II.

I. Sắc sẽ xả bỏ sắc tính, cho nên nó chẳng phải thường trụ, chẳng phải kiên cố, chẳng phải hằng thường, là pháp biến dịch phải không?

(Tha): Phải!

II. Nếu sắc chẳng phải thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch thì không cần phải tiếp thụ sắc không xả bỏ sắc tính.

∴ “Sắc không xả bỏ sắc tính” có tự mâu thuẫn nhau, là điều không thể thành lập.

Luận III. Thuận luận

I. Niết-bàn không xả bỏ Niết-bàn tính, Niết-bàn là thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch phải không?

(Tha): Phải!

II. Sắc không xả bỏ sắc tính, sắc là thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch phải không?

(Tha): Không!

∴ “Sắc không xả bỏ sắc tính” có tự mâu thuẫn nhau, là điều không thể thành lập.

Luận IV. Phản luận

I. Sắc không xả bỏ sắc tính, sắc là phi thường trụ, phi kiên cố, phi hằng thường, pháp biến dịch phải không?

(Tha): Phải!

II. Niết-bàn không xả bỏ Niết-bàn tính, Niết-bàn là phi thường trụ, phi kiên cố, phi hằng thường, pháp biến dịch phải không?

(Tha): Không!

∴ “Niết-bàn không xả bỏ Niết-bàn tính” có tự mâu thuẫn nhau, là điều không thể thành lập.

Trong cuộc tranh luận này, trọng điểm vẫn nằm tại “sắc không xả bỏ sắc tính”, nhưng còn thêm cả “Niết-bàn tính” để làm đối chiếu. Loại tình huống này nếu biện luận như đã nêu trên để xem, Hữu bộ cũng lấy Niết-bàn xem thành “thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch”, phù hợp y như *Nhất thiết hữu*, điểm này bị bài xích rất nghiêm trọng trong các bộ Luật Tạng hệ Pāli, vì Niết-bàn là phủ định thường trụ, tự ngã v.v... như Kinh văn miêu thuật: “*Các hành vô thường, khổ, vô ngã, hữu vi (Saṅkhata), cũng quyết định Niết-bàn, thi thiết, vô ngã*”¹⁰. Đối với cách giải thích trong đoạn Pāli này, sách chú giải Luật Tạng là *Do Dụ Bài Trừ* (Vimativinodanī-tikā) thuyết minh rằng: “*Ngôn định Niết-bàn giải thích là: nói xác định là có Bồ-đặc-già-la, là theo ‘pháp hữu vi’ thế tục đế mà quyết định, do vì thắng nghĩa đế là chẳng phải có thật, cho nên không cần phải nói có hai tính tức là: ‘tính vô thường, tính khổ’, nó chỉ lấy ‘sinh, diệt’ mà cử hành thôi, nhưng phải nói là ‘vô ngã’ vì ly khai ‘ngã tính’, nó xác định sự làm và sự nhận của hành tướng. Vì vậy ‘ngôn định’ này và cả ‘Niết-bàn’, hai cái đều là có lấy ‘pháp vô vi’ tương đồng mà quyết định là ‘vô ngã’ đấy*”¹¹.

Tổng kết: Bất luận “Niết-bàn” hay là “ngôn định” đều là pháp vô vi, vả lại hai cái đều là “vô ngã”, lấy “thế tục đế” và “thắng nghĩa đế” để phân thuyết. Nhưng Hữu bộ lại không cho rằng là vậy, bất luận “thế tục đế” và “thắng nghĩa đế” hai cái đều là thật có.

5. Đối chiếu thời gian (Kālasamsandanā) [5]

I. (Tự): Quá khứ là có, quá khứ là tính	(C.S.) Atītaṃ atthi atītaṃ atītabhāvaṃ
---	--

¹⁰ (P.T.S.) Vin.V. p.86; (NAN.) <<Phụ tùy>>: <Đẳng khởi nhiếp tụng>, sách 5, trang 137 (bản chữ Hán). (C.S.): Aniccā sabbe saṅkhārā, dukkhānattā ca saṅkhātā. Nibbānañceva paññatti, anattā iti nicchayā.

¹¹ (C.S.) Pāliyaṃ nibbānañceva paññattīti ettha yasmā saṅkhatadhamme upādāya paññattā sammutisaccabhūtā puggalādipaññatti paramatthato avijjamānattā uppattivināsayuttavattudhammaniyatena aniccadukkhalakkhaṇadvayaena yuttāti vattum ayuttā, kārakavedakadīrūpena pana parikappitena attasabhāvena virahitattā “anattā”ti vattum yuttā. Tasmā ayaṃ paññattipi asaṅkhatattasāmaññato vatthubhūtena nibbānena saha “anatta iti nicchayā” ti vuttā. Avijjamānāpi hi sammuti kenaci paccayena akatattā asaṅkhatā evāti.

chất quá khứ không bỏ ư? (Tha): Đúng. (Tự): Vị lai là có, vị lai là tính chất vị lai không bỏ ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy. (Tự): Quá khứ là có, quá khứ là tính chất quá khứ không bỏ ư? (Tha): Đúng. (Tự): Hiện tại là có, hiện tại là tính chất hiện tại không bỏ ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy. II. (Tự): Vị lai là có, vị lai là tính chất vị lai không bỏ ư? (Tha): Đúng. (Tự): Quá khứ là có, quá khứ là tính chất quá khứ không bỏ ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy. (Tự): Hiện tại là có, hiện tại là tính chất hiện tại không bỏ ư? (Tha): Đúng. (Tự): Quá khứ là có, quá khứ là tính chất quá khứ không bỏ ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy. III. (Tự): Quá khứ là có, quá khứ là tính chất quá khứ không bỏ ư? (Tha): Đúng. (Tự): Quá khứ là thường, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy.	na jahatīti? Āmantā. Anāgataṃ atthi anāgataṃ anāgatabhāvaṃ na jahatīti? Na hevaṃ vattabbe. Atītaṃ atthi atītaṃ Atītabhāvaṃ na jahatīti? Āmantā. Paccuppannaṃ atthi paccuppannaṃ paccuppannabhāvaṃ na jahatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe Anāgataṃ atthi anāgataṃ anāgatabhāvaṃ jahatīti? Āmantā. Atītaṃ atthi atītaṃ atītabhāvaṃ jahatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe.... Paccuppannaṃ atthi paccuppannaṃ paccuppannabhāvaṃ jahatīti? Āmantā. Atītaṃ atthi atītaṃ atītabhāvaṃ jahatīti? Na hevaṃ vattabbe. Atītaṃ atthi atītaṃ atītabhāvaṃ na jahatīti? Āmantā. Atītaṃ niccaṃ dhuvāṃ sassataṃ avipariṇāmadhammanti? Na hevaṃ vattabbe ...pe ... nanu atītaṃ aniccaṃ adhuvaṃ asassataṃ vipariṇāmadhammanti? Āmantā. Hañci atītaṃ aniccaṃ adhuvaṃ asassataṃ vipariṇāmadhammam, no ca vata re vattabbe- “atītaṃ atthi atītaṃ atītabhāvaṃ na jahatī” ti. Nibbānaṃ atthi nibbānaṃ nibbānabhāvaṃ na jahatīti nibbānaṃ niccaṃ dhuvāṃ sassataṃ avipariṇāmadhammanti? Āmantā. Atītaṃ atthi atītaṃ atītabhāvaṃ na jahatīti atītaṃ niccaṃ dhuvāṃ sassataṃ Avipariṇāmadhammanti? Na hevaṃ vattabbe ...pe....
--	---

(Tự): Quá khứ tức là vô thường, phi kiên cố, phi hằng thường, pháp biến dịch ư? (Tha): Đúng. (Tự): Nếu “Quá khứ tức là vô thường, phi kiên cố, phi hằng thường, pháp biến dịch”, thật thừa ngài, không nên nói: “Quá khứ là có, quá khứ là tính chất quá khứ không bỏ”. IV. (Tự): Niết-bàn là có, Niết-bàn là tính chất Niết-bàn không bỏ, Niết-bàn là thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch ư? (Tha): Đúng. (Tự): Quá khứ là có, quá khứ là tính chất quá khứ không bỏ, quá khứ tức là thường trụ, kiên cố, hằng thường, pháp không biến dịch ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy. V. (Tự): Quá khứ là có, quá khứ là tính chất quá khứ không bỏ, quá khứ là vô thường, phi kiên cố, phi hằng thường, pháp biến dịch ư? (Tha): Đúng. (Tự): Niết-bàn là có, Niết-bàn là tính chất Niết-bàn không bỏ, Niết-bàn tức là vô thường, phi kiên cố, phi hằng thường, pháp biến dịch ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy.¹²	Atītaṃ atthi atītaṃ atītabhāvaṃ na jahati atītaṃ aniccaṃ adhuvaṃ asassataṃ vipariṇāmadhammanti? Āmantā. Nibbānaṃ atthi nibbānaṃ nibbānabhāvaṃ na jahati nibbānaṃ aniccaṃ adhuvaṃ asassataṃ vipariṇāmadhammanti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...
--	---

Từ luận điểm này bắt đầu, Hữu bộ bị Thượng Toạ bộ phê phán có liên quan đến *quá khứ hữu, vị lai hữu, hiện tại hữu*, lấy thời gian chia chẽ khác nhau biện luận, từ

¹² (P.T.S.) Kvu. pp. 121~122; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 134 – 135 (bản chữ Hán).

luận I. *Quá khứ hữu*, ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “(*Hữu bộ*) bị hỏi ‘*quá khứ không bị xả bỏ tính quá khứ ư*’, cho rằng: *nếu xả bỏ đi vị lai hoặc hiện tại, (quá khứ) mới có, cho nên bèn tiếp nhận. (Tha) bị hỏi: ‘Vị lai không xả bỏ tính vị lai ư*’, cho rằng: *nếu xả bỏ đi vị lai thì không thể hoàn thành được tính hiện tại, cho nên bèn phủ định. Vấn đề của hiện tại cũng phủ định (vì sợ) sai không cách nào đạt đến tính quá khứ. Nội hàm vấn đề của Thuận luận cũng phải biết giống y như thế*”¹³. Nói tóm gọn, sự phê phán “Tam thời thật hữu” của Thượng Toạ bộ sẽ thành tựu *quá khứ hữu*, không thể cho rằng vị lai cũng có, hiện tại cũng có, ba cái đều đồng thời tồn tại một chỗ, điều này có mâu thuẫn. Vì vậy sẽ bị hỏi:

(1.) *Quá khứ hữu* (quả), quá khứ là không bị xả bỏ tính chất quá khứ (nhân) phải không? Hữu bộ có tiếp nhận vì chính họ chủ trương quan điểm *quá khứ hữu*, thế nhưng khi lấy *vị lai hữu* dùng để so sánh theo *quá khứ hữu*, không thể nói vị lai không xả bỏ tự tính, bởi vì phải hoàn thành lời *quá khứ hữu*, ắt cần xả bỏ vị lai và hiện tại. Vì vậy sẽ bị hỏi vị lai không cần xả bỏ tính vị lai à? Hữu bộ mới đáp phủ định.

(2.) *Vị lai hữu* (quả), vị lai là không bị xả bỏ tính chất vị lai (nhân) phải không? Hữu bộ phủ định, bởi vì trước tiên nhất định phải xả bỏ vị lai, nếu không vậy thì làm sao hoàn thành “hiện tại”.

(3.) *Hiện tại hữu* cũng giống vậy, nếu như không xả bỏ tính hiện tại làm sao sẽ thành tựu *quá khứ hữu*, “tam thời thật hữu” này đều tự có tồn tại mâu thuẫn của nó.

Tóm lại, nếu như nói ba thời là chân thật có thì rốt cùng ba đoạn thời gian đều không bị xả bỏ tự tính của chính nó à, nhưng trên thực tế trước tiên phải từ bỏ hai cái mới thành tựu được một giai đoạn, không thể chỉ nương dựa một giai đoạn thì có thể thành tựu ba cái thật có. Hữu bộ chủ trương “tam thời thật hữu” hay cách nói của Bắc Truyền là “tam thế thật hữu” nó có điểm mâu thuẫn như thế, đây là sự phê phán của Thượng Toạ bộ ban sơ đối với Hữu bộ, mà về sau lý luận Hữu bộ diễn biến thế nào thì điều này vượt quá chỗ cần tham thảo trong phạm vi bản luận văn. Luận điểm trở xuống, (Tự) phê phán (Tha) do nằm uẩn trong ba thời thật có, phương thức tiến hành lặp lại y hệt như đằng trước.

¹³ (P.T.S.) KvuA. p.45: **Atītaṃ atītabhāvaṃ na jahatīti** puttḥo yadi jaheyya, anāgataṃ vā paccuppannaṃ vā siyā ti maññamāno paṭijānāti. **Anāgataṃ anāgatabhāvaṃ na jahatīti** puttḥo pana yadi na jaheyya, anāgataṃ ev’assa paccuppannabhāvaṃ na pāpuṇeyyā ti maññamāno paṭikkhipati. Paccuppannapañhe pi atītabhāvaṃ anāpajjanadoso siyā ti paṭikkhipati. Anulomapañhesu pi iminā nayena attho veditabbo.